TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2025/QĐST-HNGĐ	*Phú Thọ, ngày 05 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - PHÚ THỌ

Với thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Kim Liên

Thư ký phiên họp: Ông Vũ Đức Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ tham gia phiên họp*:* Bà Dương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên VKSND khu vực 1 - Phú Thọ.

Ngày 05 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 98/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số: 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **L, X- C**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Lầu G, số E, hẻm A, đường P, xóm A, phường T, khu P, thành phố C, Đài Loan (Trung Quốc).

Đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Mạnh C, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Thôn P, xã S, tỉnh Phú Thọ.

- Chị **Trần Thị N**, sinh năm 2000;

Nơi thường trú: Xóm T, khu phố T, phường T, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi làm việc hiện nay: Công ty TNHH T1.

Địa chỉ: Khu B, xã H, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các bản tự khai anh L, X - C1 và chị Trần Thị N trình bày: anh L, X - C và chị Trần Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 05/4/2024 tại Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng ban đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh

mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm trong cuộc sống. Do cả hai sống xa cách, không thường xuyên liên lạc, không có điều kiện gần gũi, hơn nữa vợ chồng còn khác biệt về văn hoá, ngôn ngữ nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng ảnh hưởng đến cuộc sống và công việc của cả hai. Nay nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân trên thực tế không đạt được, nên anh L, X- C1 và chị Trần Thị N làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ là nơi mà chị Trần Thị N đang làm việc hiện nay giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh L, X- C và chị Trần Thị N xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh L, X- C và chị Trần Thị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp: Anh L, X- C và chị Trần Thị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí ly hôn: Anh L, X- C và chị Trần Thị N thống nhất thoả thuận để chị Trần Thị N chịu toàn bộ lệ phí ly hôn.

Anh L, X- C và chị Trần Thị N yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Anh L, X- Chen ủy quyền cho anh Trần Mạnh C nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và giao nộp các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh L, X- C.

Tại phiên họp, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Từ khi thụ lý việc Hôn nhân và gia đình đến khi mở phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đại diện VKSND khu vực 1 - Phú Thọ đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 361, Điều 464, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh L, X- C và chị Trần Thị N.

2. Về con chung: Đương sự xác định không có, không đề nghị giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không đề nghị, Tòa án không giải quyết.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh L, X- Chen đang sinh sống làm việc tại Đài Loan, chị Trần Thị N hiện đang làm việc tại Công ty TNHH T1; Địa chỉ: Khu B, xã H, tỉnh Phú Thọ đều có đơn đề nghị Toà án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ là nơi chị Trần Thị N làm việc giải quyết việc công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh L, X- C. Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội: Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án, yêu cầu của chị Trần Thị N và anh L, X- C là việc hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ.

Chị Trần Thị N và anh L, X- Chen có đơn xin được giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự và tiến hành phiên họp theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

Chị Trần Thị N và anh L, X- Chen kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 05/4/2024 tại Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh nên quan hệ hôn nhân giữa Chị Trần Thị N và anh L, X- C là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng khác biệt tính cách, khác biệt về dân tộc, văn hoá nên không tìm được tiếng nói chung. Hơn nữa vợ chồng sống xa nhau, không thường xuyên liên lạc, không có điều kiện gần gũi nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị N và anh L, X- C đều thuận tình ly hôn.

Anh L, X- C3 hiện đang sống và làm việc tại Đài Loan đã làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai có chứng nhận hợp pháp hoá lãnh sự của Văn phòng K tại Đ gửi cho chị Trần Thị N nộp cho Toà án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ. Chị Trần Thị T đã ký vào đơn xin thuận tình ly hôn do anh L, X- Chen gửi về từ Đài Loan và cũng tự khai tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ thể hiện quan điểm thuận tình ly hôn với anh anh L, X- C. Từ đó đủ căn cứ để kết luận: Chị Trần Thị N và anh L, X- Chen thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận.

Về con chung: Chị Trần Thị N và anh L, X- Chen xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị N và anh L, X- Chen không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Về lệ phí ly hôn: Chị Trần Thị N và anh L, X- Chen thống nhất thỏa thuận để chị Trần Thị Thu C2 toàn bộ lệ phí ly hôn. Sự thỏa thuận của Chị Trần Thị N và anh L, X- Chen phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369 và Điều 370 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội: Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 3 Điều 37 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh L, X- Chen

3. Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không đề nghị, Tòa án không giải quyết.

4. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

Chị Trần Thị N tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003726 ngày 17/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Kim Liên